

Bản án số: 08/2018/HS-PT

Ngày: 24-01-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bạch Đăng Thi

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũng

Ông Ong Thân Thắng

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Linh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 24/01/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 220/2017/HSPT ngày 15/12/2017 đối với các bị cáo Dương Ngọc H, Giáp Văn L do có kháng cáo của các bị cáo Dương Ngọc H, Giáp Văn L, người đại diện hợp pháp và người bào chữa cho bị cáo Dương Ngọc H đối với bản án hình sự sơ thẩm số 158/2017/HSST ngày 09/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: Dương Ngọc H, sinh ngày 20/02/2000; Tên gọi khác: Không
Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Tổ H, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Văn hóa: 9/12; Con ông: Dương Ngọc Đ, sinh năm: 1970 và Con bà: Dương Thị T, sinh năm: 1974; Vợ, con: Chưa có; Tiền án; Tiền sự: Không; Bị cáo đầu thú, bị cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: Giáp Văn L, sinh năm 1985; Tên gọi khác: Không; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: thôn T, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Văn hóa: 5/12; Con ông: Giáp Minh K, sinh năm 1955 và Con bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1958; Có vợ là Ngô Thị T, sinh năm 1986 (đã ly hôn năm 2015); Có hai con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2008; Tiền án: Bản án số 25/2016/HSST ngày 18/3/2016, Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang xử phạt 09 tháng tù về tội “Hủy hoại tài sản”; Nhân thân: Bản án số 199A/2008/HSST ngày 28/11/2008, Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang xử phạt 03 năm tù giam về tội “Cướp tài sản”; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 01A/QĐ-XPVPHC ngày 10/12/2014, công an phường D xử phạt hành chính 3.500.000 đồng về hành vi “Hủy hoại tài

sản”; Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/7/2017 đến nay. Hiện đang giam tại Trại giam công an tỉnh Bắc Giang (Có mặt tại phiên tòa).

- *Người đại diện hợp pháp và người bào chữa cho bị cáo H có kháng cáo:*

Chị Dương Thị Linh H, sinh năm 1997 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ H, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- *Người bị hại:* Chị Nguyễn Thị Phương A, sinh năm 1995 (Có mặt)

Hiện đang công tác tại Công an thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 17/6/2017, Dương Ngọc H sinh ngày 20/02/2000 trú tại Tổ H, phường T, thành phố B đi bộ một mình qua dãy nhà trọ của ông Nguyễn H Đ sinh năm 1964 trú tại số nhà 06, ngách 40, ngõ 45, Tổ H, phường T, thành phố B thì thấy cổng sắt dãy nhà trọ đã đóng. H nhìn qua cánh cổng thấy trong sân trước cửa phòng trọ có dựng một chiếc xe mô tô nhãn hiệu PIAGGIO-Vespa LX màu vàng biển kiểm soát 98Y1- 1989 của chị Nguyễn Thị Phương A sinh năm 1995 trú tại khu 4, thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang là sinh viên trường Học viện Cảnh sát nhân dân đang thực tập tại Công an phường T, thành phố B. Lúc này đêm khuya mọi người đã đi ngủ, H nảy sinh ý định đột nhập vào trong dãy nhà trọ để trộm cắp tài sản. H bám hai tay vào tường gạch, bật trèo qua cổng vào bên trong rồi đi đến cửa phòng trọ của chị Phương A thì thấy cửa không khóa, chỉ khép hờ nên H đẩy cửa đi vào trong phòng. Qua ánh đèn ngủ, H thấy chị Phương A đang ngủ say, ở đầu giường có để chiếc điện thoại Iphone 6 màu vàng và chiếc túi xách màu ghi xám. H đi đến dùng tay trộm cắp chiếc điện thoại và chiếc túi xách, kiểm tra bên trong túi có một chiếc chìa khóa xe mô tô loại xe Vespa. H quan sát xung quanh thấy có một chùm chìa khóa đang cắm ở ổ khóa treo ở then ngang bên trong của cánh cửa. H lấy chùm chìa khóa này đi ra ngoài và khép cửa phòng lại. H dùng chiếc chìa khóa trong túi xách mở được ổ khóa điện chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98Y1-1989. Sau đó, H dùng một chiếc chìa khóa trong chùm chìa khóa mở được cổng ra vào phòng trọ. H dắt chiếc xe ra ngoài khoảng 200m thì nổ máy đi đến nhà Giáp Văn L sinh năm 1985 trú tại thôn T, xã D, thành phố B là người quen biết ngoài xã hội từ trước. H nói với L “anh xem có ai mua xe không em muốn bán”. L hỏi H là “xe ở đâu?” thì H trả lời “xe lấy gần nhà”. L hiểu chiếc xe này do H trộm cắp ở gần nhà mà có và nhờ L tìm nơi bán chiếc xe. L đồng ý và gọi điện cho anh Trương Văn S sinh năm 1974 trú tại thôn Đ, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang là người quen biết ngoài xã hội với L từ trước. L nói với anh S về việc H muốn bán chiếc xe trên với giá 7.000.0000 đồng, anh S đồng ý và bảo L mang xe lên. L và H tháo biển số xe ra. H kiểm tra trong cốp xe có 01 chiếc áo chống nắng, kiểm tra trong túi xách có 01 chiếc ví màu đỏ, số tiền 230.000 đồng và một số giấy tờ tùy thân. H cất số tiền 230.000 đồng vào người, còn số tài sản còn lại thì cất vào 01 chiếc túi ni lông để ở nhà L. H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 98Y1-1989 chở L ngồi sau đi lên nhà anh S. Khoảng 04 giờ cùng ngày 17/6/2017, H và L đến nhà

anh S. Anh S hỏi về nguồn gốc xe, giấy tờ xe thì H nói “xe bị mất biển số, không mang theo giấy tờ, bán 7.000.000 đồng”. Do chiếc xe không có giấy tờ và không rõ nguồn gốc nên anh S không mua chiếc xe này. Thấy vậy, H nói “Em bán 6.500.000 đồng” nhưng anh S không mua. Sau đó H, L đặt vấn đề vay số tiền 3.000.000 đồng và gửi chiếc xe ở nhà anh S thì anh S đồng ý và đưa cho H số tiền 3.000.000 đồng.

Đến khoảng 06 giờ sáng cùng ngày thì H và L đi xe buýt về nhà L. H lấy chiếc Iphone 6 màu vàng gửi ở nhà L và nhờ L chở về nhà. L lấy xe mô tô của mình chở H về nhà. Trên đường đi về, đến đoạn trước cửa hàng mua bán sửa chữa điện thoại của anh Phạm Ngọc S sinh năm 1978 trú tại số 1214 đường Lê Lợi, phường D, thành phố B, H bảo L dừng xe, H vào bán chiếc điện thoại trên cho anh S được 1.000.000 đồng. Khi bán điện thoại, H không nói cho anh S biết đó là tài sản do trộm cắp mà có. Tất cả số tiền có được từ việc trộm cắp tài sản, H khai đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết không chia cho L đồng nào. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày 17/6/2017, L sợ bị phát hiện nên đã mang toàn bộ số tài sản còn lại gồm 01 biển kiểm soát 98Y1-1989, 01 túi da màu ghi xám, 01 chiếc ví màu đỏ, 01 áo chống nắng và các giấy tờ tùy thân mà H để lại nhà L cho vào trong túi ni lông và mang ra cầu Xương Giang, thành phố B vứt xuống sông Thương.

Ngày 07/7/2017, Dương Ngọc H đã đến Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Bắc Giang đầu thú. Cùng ngày 07/7/2017, anh Trương Văn S đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 chiếc xe nhãn hiệu PIAGGIO Vespa màu vàng, không biển kiểm soát, số máy 5110291, số khung 0000016348 đã qua sử dụng. Ngày 08/7/2017, Giáp Văn L đến Công an thành phố B đầu thú. Cùng ngày 08/7/2017, anh Phạm Ngọc S đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6, số imei 352070063409673 đã qua sử dụng. Đối với những đồ vật, tài sản L khai vứt xuống sông Thương, Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Ngày 16/8/2017, Cơ quan điều tra đã thực nghiệm điều tra vụ án. Kết quả Dương Ngọc H đã thực hiện lại toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như đã khai tại Cơ quan điều tra.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 79/KL-HĐĐG ngày 26/6/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98Y1-1989, nhãn hiệu Piaggio, loại xe Vespa Lx, số máy 510291, số khung 0000016348, đã qua sử dụng có giá trị là 35.000.000 đồng; 01 điện thoại di động Iphone 6, màu vàng số imeil: 352070063409673 có giá trị là 5.000.000 đồng; 01 chiếc túi xách bằng da, màu ghi xám có giá trị là 700.000 đồng.

Ngày 31/7/2017, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Phương A chiếc điện thoại Iphone 6 bị trộm cắp. Đối với tài sản khác gồm 01 chiếc ví màu đỏ, 01 áo chống nắng và giấy tờ tùy thân không có giá trị đáng kể nên chị Phương A đề nghị không định giá số tài sản này nên Cơ quan điều tra không định giá. Đến nay, chị Phương A yêu cầu Dương Ngọc H bồi thường số tiền 930.000 đồng (gồm 230.000 đồng và 700.000 đồng giá trị chiếc túi xách bị trộm cắp, bút lục số 72).

Quá trình điều tra xác định được chiếc xe biển kiểm soát 98Y1-1989 là tài sản do chị Phương A mượn của anh Lại Duy P sinh năm 1991 trú tại số nhà 01, đường H, phường H, thành phố B. Ngày 31/7/2017, Cơ quan điều tra đã trả lại anh P chiếc xe nói trên. Đến nay, anh P không yêu cầu đề nghị gì.

Đối với anh Trương Văn S là người cho H vay tiền và giữ lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98Y1-1989 nhưng anh S không biết về nguồn gốc chiếc xe này nên anh S không vi phạm pháp luật. Đối với số tiền 3.000.000 đồng mà anh S cho H vay thì H đã trả lại nên anh S không có yêu cầu bồi thường dân sự. Đối với anh Phạm Ngọc S là người mua chiếc điện thoại Iphone 6 màu vàng do H đem bán nhưng khi mua anh S không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nên anh S không vi phạm pháp luật. Đến nay, anh S yêu cầu Dương Ngọc H trả lại cho anh số tiền 1.000.000 đồng.

Với nội dung trên bản án hình sự sơ thẩm số 158/2017/HSST ngày 09/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang đã xét xử và quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Dương Ngọc H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; Bị cáo Giáp Văn L phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 69; Điều 71; 74 Bộ luật hình sự. Điều 99, Điều 231, Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử phạt: Bị cáo Dương Ngọc H 01 (Một) năm tù. Thời gian tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 250; khoản 2 Điều 46; Điều 33; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Điều 99, Điều 231, Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử phạt: Bị cáo Giáp Văn L 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, Thời gian tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 08/7/2017.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi cấp sơ thẩm xét xử xong, ngày 14/11/2017 bị cáo Giáp Văn L có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo phần hình phạt chính của bản án với bị cáo và xin cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngày 20/11/2017 bị cáo Dương Ngọc H và chị Dương Thị Linh H là người đại diện hợp pháp, người bào chữa cho bị cáo Dương Ngọc H có đơn kháng cáo với cùng nội dung kháng cáo phần hình phạt tù của bản án đối với bị cáo H và xin cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo H được hưởng án treo.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo Giáp Văn L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo H và chị H là người đại diện hợp pháp, người bào chữa cho bị cáo H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin cho bị cáo H được hưởng án treo.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo đưa ra đề nghị xem xét các vấn đề kháng cáo mà các bị cáo, người đại diện hợp pháp, người bào chữa nêu ra đã kết luận và đề nghị HĐXX áp dụng Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự 2015: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Dương Ngọc H, Giáp Văn L; Không chấp nhận kháng cáo của chị Dương Thị Linh H là người đại diện hợp pháp, người bào chữa cho bị cáo Dương Ngọc H. Giữ nguyên án sơ thẩm đối với các bị cáo. Án phí: Các bị cáo Giáp Văn L, Dương Ngọc H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Chị Dương Thị Linh H phát biểu lời bào chữa cho bị cáo Dương Ngọc H: Bị cáo Dương Ngọc H khi phạm tội đang ở tuổi chưa thành niên, nhận thức pháp luật chưa đầy đủ nên đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Dương Ngọc H đồng ý với lời bào chữa của chị Dương Thị Linh H, và bổ sung ý kiến tranh luận: Bị cáo phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo xin hưởng án treo.

Bị cáo Giáp Văn L không tranh luận.

Người bị hại: Chị Nguyễn Thị Phương A tranh luận: Bị cáo Dương Ngọc H khi phạm tội đang ở tuổi chưa thành niên, nhận thức pháp luật chưa đầy đủ nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

Kiểm sát viên đối đáp: Như đã phân tích, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm đề nghị HĐXX áp dụng Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự 2015: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Dương Ngọc H, Giáp Văn L; Không chấp nhận kháng cáo của chị Dương Thị Linh H là người đại diện hợp pháp, người bào chữa cho bị cáo Dương Ngọc H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với các bị cáo.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

+ Bị cáo Dương Ngọc H: Xin hưởng án treo

+ Bị cáo Giáp Văn L: Xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, của những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo Giáp Văn L, Dương Ngọc H và Đơn kháng cáo của chị Dương Thị Linh H là người đại diện hợp pháp, người bào chữa cho bị cáo Dương Ngọc H đã nộp theo đúng các quy định của pháp luật nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp cần được chấp nhận để xem xét.

[2] Qua quá trình xét hỏi tại phiên tòa thấy đủ cơ sở xác định: Khoảng 01 giờ ngày 17/6/2017, tại phòng trọ số 01 ở số 06, ngách 40, ngõ 45, Tổ H, phường

T, thành phố B, Dương Ngọc H có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98Y1-1989, nhãn hiệu Piaggio Vespa có giá trị là 35.000.000 đồng, 01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng giá trị là 5.000.000 đồng, số tiền 230.000 đồng tiền mặt và 01 chiếc túi xách bằng da, màu ghi xám có giá trị là 700.000 đồng của chị Nguyễn Thị Phương A (tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 40.930.000 đồng). Giáp Văn L biết rõ chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98Y1-1989 là tài sản do Dương Ngọc H trộm cắp được mà có và đã cùng H có hành vi đem đi tiêu thụ (tổng giá trị tài sản tiêu thụ là 35.000.000 đồng). hành vi của bị cáo Dương Ngọc H nêu trên đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999; Hành vi của bị cáo Giáp Văn L nêu trên đã cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” Theo quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự 1999.

Bản án hình sự sơ thẩm số 158/2017/HSST ngày 09/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang xét xử bị cáo Dương Ngọc H phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999; xét xử bị cáo Giáp Văn L phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự 1999 là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Dương Ngọc H và kháng cáo của chị Dương Thị Linh Hiệp là người đại diện hợp pháp, người bào chữa cho bị cáo H thấy: Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Về nhân thân: Bị cáo H có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi. Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo thì thấy: Sau khi phạm tội bị cáo H khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, bị cáo H phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội bị cáo H đã tác động gia đình bồi thường cho những người liên quan. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999. Bản án sơ thẩm đã đánh giá và áp dụng cho bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ. Chỉ vì lợi ích trước mắt, bị cáo H chiếm đoạt tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong nội bộ quần chúng nhân dân. Án sơ thẩm sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi của bị cáo, đánh giá toàn bộ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo đã xử phạt bị cáo Dương Ngọc H 01 năm tù là hoàn toàn tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới là người bị hại xin cho bị cáo được hưởng án treo, bị cáo đầu thú nhưng cấp sơ thẩm chưa áp dụng tình tiết giảm nhẹ này cho bị cáo nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự cho bị cáo, Hội đồng xét xử thấy bị cáo có rất nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, phạm tội lần đầu và nhất thời phạm tội, sau khi phạm tội đã ra đầu thú, khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi

nên có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, và của người đại diện hợp pháp, người bào chữa cho bị cáo H, cần giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp với quy định của pháp luật. Cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện để giáo dục bị cáo thành công dân biết tuân thủ pháp luật, thành người có ích cho xã hội, đồng thời cũng thể hiện được tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Giáp Văn L thấy: Bị cáo Giáp Văn L biết rõ là tài sản do trộm cắp mà có, nhưng bị cáo không trình báo cơ quan có thẩm quyền, mà lại tiếp tay cho hành vi phạm tội của bị cáo H, điều này thể hiện thái độ coi thường pháp luật của bị cáo. Bị cáo Giáp Văn L là người có nhân thân xấu, bị cáo đã bị xử phạt hành chính về hành vi hủy hoại tài sản và hai lần bị xét xử về hình sự, bị cáo có một tiền án. Bị cáo L có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo L ra đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999.

Án sơ thẩm sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi của bị cáo, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo đã xử phạt bị cáo Giáp Văn L 02 năm 03 tháng tù là hoàn toàn tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo, không nặng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo L không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới nên Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo L như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Do bị cáo Giáp Văn L không được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Dương Ngọc H và chị Dương Thị Linh H đều được chấp nhận kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Căn cứ vào Điểm b khoản 1 Điều 355, Điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[1] Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Dương Ngọc H và của chị Dương Thị Linh H là người đại diện hợp pháp, người bào chữa cho bị cáo Dương Ngọc H. Sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Dương Ngọc H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; Các điểm b, h, p khoản và khoản 2 Điều 46; Điều 69; Điều 71; Điều 74, Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo Dương Ngọc H 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Dương Ngọc H cho UBND phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

II. Căn cứ vào Điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[1] Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Giáp Văn L. Giữ nguyên phần bản án sơ thẩm đối với bị cáo Giáp Văn L.

Tuyên bố bị cáo Giáp Văn L phạm tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*".

Áp dụng khoản 1 Điều 250; khoản 2 Điều 46; Điều 33; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Giáp Văn L 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, Thời gian tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 08/7/2017.

[2] Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Bị cáo Giáp Văn L phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Dương Ngọc H và chị Dương Thị Linh H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- VKSND thành phố Bắc Giang;
- TAND thành phố Bắc Giang;
- Công an thành phố Bắc Giang;
- Chi cục THADS thành phố Bắc Giang;
- Bị cáo;
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Bạch Đăng Thi